|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG:………  **TỔ/NHÓM CHUYÊN MÔN:…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN: TOÁN – LỚP 7**

**NĂM HỌC: 2023-2024**

***BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC***

**I. Đặc điểm tình hình:**

**1. Số lớp 7: …** lớp **; Số học sinh: …. học sinh** **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**: 0**

**2. Tình hình đội ngũ:**

**Số giáo viên dạy toán 7:** … giáo viên ;

**Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 Đại học: …; Trên đại học:….

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: ..; Khá: ....; Đạt: .....; Chưa đạt: ......

**3. Thiết bị dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập:** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

1. **Phân phối chương trình:**

CẢ NĂM: 140 tiết/35 tuần

Học kỳ I : 4 tiết/ tuần x 18 tuần = 72 tiết;

Học kỳ II : 4 tiết/ tuần x 17 tuần = 68 tiết

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cả năm  140 tiết | Đại số, xác suất thống kê, HĐTHTN  82 tiết | Hình học, HĐTHTN  58 tiết |
| Học kì I:  18 tuần: 72 tiết | 41 tiết  13 tuần đầu x 2 tiết = 26 tiết  5 tuần cuối x 3 tiết = 15 tiết | 31 tiết  13 tuần đầu x 2 tiết = 26 tiết  5 tuần cuối x 1 tiết = 5 tiết |
| Học kì II:  17 tuần: 68 tiết | 41 tiết  10 tuần đầu x 2 tiết = 20 tiết  7 tuần cuối x 3 tiết = 21 tiết | 27 tiết  10 tuần đầu x 2 tiết = 20 tiết  7 tuần cuối x 1 tiết = 7 tiết |

**A. HỌC KỲ I**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt.** |
| **ĐẠI SỐ** | | | | | |
| **CHƯƠNG 1. SỐ HỮU TỈ (13 tiết)** | | | | | |
| 1 | 1 | Bài 1: Tập hợp Q các số hữu tỉ | | 2 | + Nhận biết các số hữu tỉ, tập hợp Q các số hữu tỉ, số đối của số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ  + Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.  + So sánh được hai số hữu tỉ |
| 2 |
| 2 | 3 | Bài 2: Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ | | 2 | + Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong Q.  + Vận dụng được các tính chất của phép toán và quy tắc dấu ngoặc để tính viết, tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.  + Giải quyết được một số bài toán thực tiễn dùng số hữu tỉ. |
| 4 |
| 3 | 5 | Luyện tập chung | | 1 | + Củng cố các kiến thức về tập hợp số hữu tỉ và các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ.  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 6 | Bài 3: Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ | | 3 | + Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.  + Thực hiện được tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa. |
| 4 | 7 |
| 8 |
| 5 | 9 | Bài 4: Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc chuyển vế. | | 2 | + Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính  + Mô tả được quy tắc chuyển vế  + Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn liền với các phép tính về số hữu tỉ.  + Tính được các biểu thức có chứa đồng thời nhiều phép tính như phép tính luỹ thừa , cộng, trừ, nhân, chia và có thể chứa dấu ngoặc |
| 10 |
| 6 | 11 | Luyện tập chung | | 2 | + Củng cố các kiến thức về lũy thừa của một số hữu tỉ, thứ tự thực hiện các phép tính và quy tắc chuyển vế. |
| 12 |
| 7 | 13 | ***Bài tập cuối chương I*** | | 1 | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| **CHƯƠNG II. SỐ THỰC (10 tiết)**  **ÔN TẬP (1 tiết)** | | | | | |
| 7 | 14 | Bài 5: Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn | | 2 | + Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn, chu kì của số thập phân vô hạn tuần hoàn  + Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước. |
| 8 | 15 |
| 16 | ***Ôn tập giữa học kì I*** | | 1 | Củng cố các kiến thức của chương I và chương II. Vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn có liên quan đến kiến thức của chương I và chương II. |
| 9 | 17 | Bài 6: Số vô tỉ. Căn bậc hai số học | | 2 | + Nhận biết được số vô tỉ  + Nhận biết được căn bậc hai số học của một số không âm  + Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay và làm tròn kết quả đến một hàng nào đó. |
| 18 |
| 10 | 19 | Bài 7: Tập hợp các số thực | | 3 | + Nhận biết được số thực, số đối và giá trị tuyệt đối của số thực  + Biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi  + Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. |
| 20 |
| 11 | 21 |
| 22 | Luyện tập chung | | 2 | + Củng cố các kiến thức về tập hợp số vô tỉ, số thực và các phép toán trên tập hợp số thực |
| 12 | 23 |
| 24 | ***Bài tập cuối chương II*** | | 1 | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| **CHƯƠNG V. THU THẬP VÀ PHÂN LOẠI DỮ LIỆU (10 tiết)**  **ÔN TẬP, KIỂM TRA, TRẢ BÀI (4 tiết)** | | | | | |
| 13 | 25 | Bài 17: Thu thập và phân loại dữ liệu | 2 | | + Thu thập dữ liệu bằng phỏng vấn, bằng hỏi.  + Phân loại dữ liệu  + Nhận biết tính đại diện của dữ liệu. |
| 26 |
| 14 | 27 | Bài 18: Biểu đồ hình quạt tròn | 3 | | + Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ hình quạt tròn  + Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn)  + Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ hình quạt tròn |
| 28 |
| 29 |
| 15 | 30 | Bài 19: Biểu đồ đoạn thẳng | 3 | | + Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.  + Vẽ được biểu đồ đoạn thẳng.  + Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng |
| 31 |
| 32 |
| 16 | 33 | ***Ôn tập học kì I*** | 1 | | +Củng cố các kiến thức của chương I, II, V. Làm các bài tập có liên quan, đặc biệt là giải các bài toán thực tiễn. |
| 34 | ***Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ I*** | 2 | | + Kiểm tra khoảng 20% kiến thức của nửa đầu học kỳ 1 và khoảng 80% kiến thức của nửa cuối học kỳ I (Cả phần số học và hình học). |
| 35 |
| 17 | 36 | Luyện tập chung | 1 | | + Củng cố các kiến thức về thu thập và phân loại dữ liệu, các biểu diễn dữ liệu bằng biểu đồ hình quạt, biểu đồ đoạn thẳng.  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 37 | ***Bài tập cuối chương V*** | 1 | | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 38 | ***Trả bài kiểm tra học kì I*** | 1 | | Học sinh nhận ra những sai lầm mà mình mắc phải khi làm bài và rút kinh nghiệm |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (3 tiết)** | | | | | |
| 18 | 39 | Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam | | 3 | + Tìm hiểu về dân số Việt Nam và cơ cấu dân số Việt Nam |
| 40 |
| 41 |
| **HÌNH HỌC** | | | | | |
| **CHƯƠNG III. GÓC VỚI ĐƯƠNG THẲNG SONG SONG (11 tiết)** | | | | | |
| 1 | 1 | Bài 8: Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc. | | 2 | + Nhận biết được hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh.  + Nhận biết được tia phân giác của một góc  + Vẽ được tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập. |
| 2 |
| 2 | 3 | Bài 9: Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết | | 2 | + Nhận biết các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng.  + Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.  + Nhận biết cách vẽ hai đường thẳng song song. |
| 4 |
| 3 | 5 | Luyện tập chung | | 2 | + Củng cố các kiến thức về các góc ở vị trí đặc biệt  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 6 |
| 4 | 7 | Bài 10: Tiên đề Euclid. Tính chất hai đường thẳng song song | | 2 | + Nhận biết tiên đề Euclid về đường thẳng song song.  + Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song. |
| 8 |
| 5 | 9 | Bài 11: Định lí và chứng minh định lí | | 1 | + Nhận biết một định lí, giả thiết, kết luận của định lí  + Viết gọn được giả thiết, kết luận của một định lí bằng kí hiệu  + Làm quen với chứng minh định lí |
| 10 | Luyện tập chung | | 1 | + Củng cố các kiến thức về các tính chất của hai đường thẳng song song  + HS biết vẽ hình, viết giả thiết, kết luận của định lí bằng kí hiệu  + HS bước đầu biết suy luận để chứng minh một định lí. |
| 6 | 11 | ***Bài tập cuối chương III*** | | 1 | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| **CHƯƠNG IV. TAM GIÁC BẰNG NHAU (14 tiết)**  **ÔN TẬP, KIỂM TRA (4 tiết)** | | | | | |
| 6 | 12 | Bài 12: Tổng các góc trong một tam giác | | 1 | + Giải thích định lí về tổng các góc trong một tam giác bằng thực nghiệm cắt ghép hình và bằng suy luận.  + Tính số đo của một góc dựa vào định lí tổng ba góc.  + Nhận biết được tam giác nhọn, vuông và tù. |
| 7 | 13 | Bài 13: Hai tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác. | | 2 | + Nhận biết hai tam giác bằng nhau.  + Chứng minh được hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c.c.c.  + Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản. |
| 14 |
| 8 | 15 | Luyện tập chung | | 1 | + Củng cố các kiến thức về hai tam giác bằng nhau, tính số đo của một góc dựa vào định lí tổng ba góc.  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 16 | ***Ôn tập giữa học kì I*** | | 1 | Củng cố các kiến thức của chương III và chương IV. Vận dụng vào việc giải quyết một số vấn đề thực tiễn có liên quan đến kiến thức của chương III và chương IV. |
| 9 | 17 | ***Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ I*** | | 2 | Kiểm tra kiến thức học sinh giữa học kỳ I (cả phần số học và hình học). |
| 18 |
| 10 | 19 | Bài 14: Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác. | | 2 | + Giải thích được hai tam giác bằng nhau theo các trường hợp c.g.c và g.c.g.  + Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản. |
| 20 |
| 11 | 21 | Luyện tập chung | | 1 | + Chứng minh được hai tam giác bằng nhau theo các trường hợp đã học, tính số đo của góc dựa và định lý tổng ba góc.  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 22 | Bài 15: Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông | | 2 | + Giải thích các trường hợp bằng nhau của hai tam giác vuông  + Chứng minh được hai tam giác vuông bằng nhau theo bốn trường hợp  + Mô hình hoá được các bài toán đơn giản về tam giác vuông |
| 12 | 23 |
| 12 | 24 | Bài 16: Tam giác cân. Đường trung trực của một đoạn thẳng. | | 2 | + Nhận biết được tam giác cân, giải thích tính chất của tam giác cân.  + Nhận biết khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các tính chất cơ bản của đường trung trực.  + Vẽ được đường trung trực của một đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập |
| 13 | 25 |
| 26 | Luyện tập chung | | 2 | + Củng cố các kiến thức về các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông, tam giác đặc biệt và đường trung trực của một đoạn thẳng  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 14 | 27 |
| 15 | 28 | Bài tập cuối chương IV | | 1 | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 16 | 29 | ***Ôn tập học kì I*** | | 1 | Củng cố các kiến thức của chương III và chương IV. Vận dụng vào việc giải quyết một số vấn đề thực tiễn có liên quan đến kiến thức của chương III và chương IV. |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (2 tiết)** | | | | | |
| 17 | 30 | Vẽ hình với phần mềm Geogebra | | 2 | +Biết sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ:  - Hai đường thẳng song song  - Tia phân giác của một góc  - Đường trung trực của một đoạn thẳng  - Tam giác biết một yếu tố về cạnh và góc |
| 18 | 31 |

**B. HỌC KỲ II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt.** |
| **ĐẠI SỐ** | | | | |
| **CHƯƠNG VI. TỈ LỆ THỨC VÀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ (11 tiết)** | | | | |
| 19 | 42 | Bài 20: Tỉ lệ thức | 2 | + Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức  + Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán  + Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến tỉ lệ thức |
| 43 |
| 20 | 44 | Bài 21: Tính chất dãy tỉ số bằng nhau | 1 | + Nhận biết dãy tỉ số bằng nhau  + Vận dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán  + Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến dãy tỉ số bằng nhau. |
| 45 | Luyện tập chung | 2 | + Củng cố các kiến thức về tỉ lệ thức, dãy tỉ số bằng nhau  + Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức, tính chất dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán |
| 21 | 46 |
| 47 | Bài 22: Đại lượng tỉ lệ thuận | 2 | + Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận, tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận  + Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận |
| 22 | 48 |
| 49 | Bài 23: Đại lượng tỉ lệ nghịch | 2 | + Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ nghịch, tính chất của đại lượng tỉ lệ nghịch  + Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch |
| 23 | 50 |
| 51 | Luyện tập chung | 1 | + Củng cố các kiến thức về đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 24 | 52 | Bài tập cuối chương VI | 1 | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| **CHƯƠNG VII. BIỂU THỨC ĐẠI SỐ VÀ ĐA THỨC MỘT BIẾN (16 tiết)**  **ÔN TẬP (1 tiết)** | | | | |
| 24 | 53 | Bài 24: Biểu thức đại số | 1 | + Nhận biết biểu thức số, biểu thức đại số  + Nhận biết được các biến trong một biểu thức đại số  + TÍnh giá trị của biểu thức đại số khi cho trước giá trị của các biến |
| 25 | 54 | Bài 25: Đa thức một biến | 1 | + Nhận biết được đơn thức (một biến) và bậc của đơn thức.  + Nhận biết được đa thức (một biến) và các hạng tử của nó.  + Thu gọn và sắp xếp được đa thức.  + Nhận biết được bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức.  + Tính được giá trị của một đa thức khi biết giá trị của biến  + Nhận biết được nghiệm của một đa thức. |
| 55 | ***Ôn tập giữa học kì II*** | 1 | Ôn tập các kiến thức cơ bản đã học từ đầu kì II. Vận dụng kiến thức để giải quyết một số vấn đề thực tiễn có liên quan |
| 26 | 56 | Bài 25: Đa thức một biến | 2 | + Nhận biết được đơn thức (một biến) và bậc của đơn thức.  + Nhận biết được đa thức (một biến) và các hạng tử của nó.  + Thu gọn và sắp xếp được đa thức.  + Nhận biết được bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức.  + Tính được giá trị của một đa thức khi biết giá trị của biến  + Nhận biết được nghiệm của một đa thức. |
| 57 |
| 27 | 58 | Bài 26: Phép cộng và phép trừ đa thức một biến | 2 | + Thực hiện được các phép tính cộng, trừ hai đa thức.  + Nhận biết được các tính chất của phép cộng đa thức.  + Vận dụng được các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán. |
| 59 |
| 28 | 60 | Luyện tập chung | 2 | + Củng cố các kiến thức về đa thức một biến và các phép toán trên đa thức một biến  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 61 |
| 29 | 62 | Bài 27: Phép nhân đa thức một biến | 2 | + Thực hiện được các phép tính nhân hai đa thức cùng biến  + Nhận biết và vận dụng được các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán. |
| 63 |
| 64 | Bài 28: Phép chia đa thức một biến | 3 | + Thực hiện được các phép tính chia hai đa thức một biến  + Nhận biết được trường hợp chia hết, chia có dư của hai đa thức một biến  + Nhận biết và vận dụng được các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán. |
| 30 | 65 |
| 66 |
| 67 | Luyện tập chung | 2 | + Củng cố các kiến thức về hai phép toán nhân, chia trên đa thức một biến |
| 31 | 68 |
| 69 | ***Bài tập cuối chương VII*** | 1 | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| **CHƯƠNG VIII. LÀM QUEN VỚI BIẾN CỐ VÀ XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ (6 tiết)**  **ÔN TẬP, KIỂM TRA, TRẢ BÀI (4 tiết)** | | | | |
| 31 | 70 | Bài 29: Làm quen với biến cố | 2 | + Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản. |
| 32 | 71 |
| 72 | Bài 30: Làm quen với xác suất của biến cố | 2 | + Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. |
| 73 |
| 33 | 74 | ***Ôn tập học kỳ 2*** | 1 | + Ôn tập, củng cố các kiếm thức học kỳ 1 và 2 |
| 75 | ***Kiểm tra đánh giá cuối năm*** | 2 | + Kiểm tra khoảng 20% kiến thức của học kỳ 1 và khoảng 16% kiến thức của nửa đầu kỳ 2 và khoảng 64% kiến thức của nửa cuối học kỳ 2 (Cả phần số học và hình học). |
| 76 |
| 34 | 77 | Luyện tập chung | 1 | + Củng cố các kiến thức về biến cố và xác xuất của biến cố  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 78 | ***Bài tập cuối chương VIII*** | 1 | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 79 | ***Trả bài kiểm tra cuối năm*** | 1 | Học sinh nhận ra những sai lầm mà mình mắc phải khi làm bài và rút kinh nghiệm |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (3 tiết)** | | | | |
| 35 | 80 | Đại lượng tỉ lệ trong đời sống | 2 | + Biết chuyển đổi được một số đơn vị đo chiều dài và khối lượng thông dụng.  + Thực hành tính toán được việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng  + Thực hành tính lãi suất tiết kiệm và làm quen với Quy tắc 72 trong tài chính |
| 81 |
| 82 | Vòng quay may mắn | 1 | + Củng cố các biến cố và nhận ra được biến cố có xảy ra hay không  + Cảm nhận được xác suất xảy ra mỗi biến cố nhiều hay ít. |
| **HÌNH HỌC** | | | | |
| **CHƯƠNG IX. QUAN HỆ GIỮA CÁC YẾU TỐ TRONG MỘT TAM GIÁC. (12 tiết)** | | | | |
| 19 | 32 | Bài 31: Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác. | 2 | + Nhận biết được hai định lí về cạnh và góc đối diện trong một tam giác.  + Vận dụng được vào tam giác vuông để nhận biết được cạnh lớn nhất trong tam giác vuông |
| 33 |
| 20 | 34 | Bài 32. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên | 1 | + Nhận biết được khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ một điểm đến đường thẳng  + Biết được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên.  + Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác. |
| 35 | Bài 33. Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác. | 1 | + Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác.  + Giải quyết được một số bài toán thực tiễn |
| 21 | 36 | Luyện tập chung | 2 | + Củng cố các kiến thức về quan hệ giữa các yếu tố trong tam giác  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 37 |
| 22 | 38 | Bài 34. Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác | 2 | + Nhận biết được đường trung tuyến, đường phân giác của tam giác  + Nhận biết được sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác. |
| 39 |
| 23 | 40 | Bài 35. Sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác | 2 | + Nhận biết được đường trung trực, đường cao của tam giác  + Nhận biết được sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác. |
| 41 |
| 24 | 42 | Luyện tập chung | 1 | + Củng cố các kiến thức về các đường đồng quy trong tam giác  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 43 | ***Bài tập cuối chương IX*** | 1 | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| **CHƯƠNG X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN (9 tiết)**  **ÔN TẬP, KIỂM TRA (4 tiết)** | | | | |
| 25 | 44 | Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương | 1 | + Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương  + Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn liền với việc tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương |
| 45 | ***Ôn tập giữa học kì II*** | 1 | Ôn tập các kiến thức cơ bản đã học từ đầu kì II. Vận dụng kiến thức để giải quyết một số vấn đề thực tiễn có liên quan |
| 26 | 46 | ***Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ II*** | 2 | + Kiểm tra khoảng 20% kiến thức của học kỳ 1 và khoảng 80% kiến thức của nửa đầu học kỳ 2 (Cả phần số học và hình học). |
| 47 |
| 27 | 48 | Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương | 2 | + Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương  + Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn liền với việc tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương |
| 49 |
| 28 | 50 | Luyện tập chung | 1 | + Củng cố các kiến thức về HHCN và HLP  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 51 | Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác | 3 | + Mô tả và tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.  + Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.  + Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn liền với việc tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. |
| 29 | 52 |
| 30 | 53 |
| 31 | 54 | Luyện tập | 1 | + Củng cố các kiến thức về hình lăng trụ đứng tam giác, tứ giác.  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 32 | 55 | ***Bài tập cuối chương X*** | 1 | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 33 | 56 | ***Ôn tập cuối năm*** | 1 | Củng cố và khắc sâu kiến thức của cả năm học, trọng tâm là kiến thức của học kỳ II. Giải quyết một số bài toán thực tiễn có liên quan. |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (2 tiết)** | | | | |
| 34 | 57 | Hộp quà và chân đế lịch để bàn của em | 2 | Vận dụng được các kiến thức đã học về một số hình khối trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong thực tiễn như mĩ thuật, thủ công,… |
| 35 | 58 |

**2.Kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 9 | Kiểm tra kiến thức của học sinh giữa học kỳ I (cả phần Số học, Hình học). | Viết trên giấy thi |
| Cuối Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 16 | Kiểm tra kiến thức của học sinh học kỳ I (Cả phần Số học, Hình học và Xác suất thống kê ). | Viết trên giấy thi |
| Giữa Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 26 | Kiểm tra kiến thức của học sinh giữa học kỳ II (Cả phần Số học –đại số, Hình học). | Viết trên giấy thi |
| Cuối Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 33 | Kiểm tra kiến thức của học sinh trong năm học (Cả phần Số học – Đại số, Hình học và Xác suất thống kê). | Viết trên giấy thi |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

*…………………………, ngày……tháng năm 2023*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÊ DUYỆT CỦA NHÀ TRƯỜNG**  **HIỆU TRƯỞNG**  (Ký, đóng dấu) | **TỔ TRƯỞNG**  (Ký, ghi rõ họ tên) |